



PHÁT TRIỂN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO LIÊN THÔNG TỪ CAO ĐẲNG LÊN ĐẠI HỌC ĐÁP ỨNG NHU CẦU THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG

ThS. LÊ VĂN HỒNG
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

1. Đặt vấn đề

Giáo dục nước ta vào thập kỉ tới phát triển trong bối cảnh thế giới có nhiều thay đổi nhanh và phức tạp. Toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế về giáo dục đã trở thành xu thế tất yếu. Cách mạng khoa học công nghệ, công nghệ thông tin và truyền thông, kinh tế trí thức ngày càng phát triển mạnh mẽ, tác động trực tiếp đến sự phát triển của các nền giáo dục trên thế giới

Chiến lược phát triển giáo dục 2011 - 2020, đã khẳng định "Hoàn thiện cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân, xây dựng khung trình độ quốc gia về giáo dục tương thích với các nước trong khu vực và trên thế giới, đảm bảo phân luồng trong hệ thống, đặc biệt là phân luồng sau Trung học cơ sở, Trung học phổ thông và liên thông giữa các chương trình giáo dục, cấp học và trình độ đào tạo; đa dạng hóa phương thức học tập đáp ứng nhu cầu nhân lực, tạo cơ hội học tập suốt đời cho người dân."[3].

Trong đó, đào tạo liên thông nói chung và liên thông giữa cao đẳng và đại học nói riêng đã và đang từng bước khẳng định được vai trò của mình như làm phong phú hơn các con đường học tập, tạo cơ hội cho mọi người tiếp cận giáo dục bậc cao, góp phần đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời cũng như tiến tới xây dựng xã hội học tập. Song song với những mặt tích cực kể trên, đào tạo liên thông cũng đã bộc lộ nhiều bất cập như: Tuyển sinh ồ ạt, buông lỏng quản lí, thiếu cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ việc dạy và học, thiếu đội ngũ giảng viên,... đặc biệt là chương trình đào tạo (CTĐT). Có thể nói CTĐT liên thông là cơ sở, là điểm tựa quan trọng nhất để đào tạo liên thông đáp ứng thị trường lao động. Nhưng thực tế CTĐT liên thông những năm qua thiếu sự thống nhất, phần nào còn "chắp vá" giữa CTĐT cao đẳng và đại học. Vì vậy, việc nghiên cứu phát triển CTĐT liên thông theo định hướng đáp ứng thị trường lao động và học tập suốt đời là cấp thiết và có tính thời sự.

2. Một số khái niệm liên quan

2.1. Đào tạo liên thông

Đào tạo liên thông là biện pháp tổ chức đào tạo, trong đó người học được sử dụng kết quả học tập đã có để học tiếp ở trình độ cao hơn cùng ngành đào tạo hoặc khi chuyển sang ngành đào tạo hay trình độ đào tạo khác. Đào tạo liên thông được tổ chức theo hình

thức chính quy hoặc vừa làm vừa học.

Khái niệm liên thông thường được hiểu trên các bình diện sau: Một là, sự xuyên suốt, khớp nối (articulation) của hệ thống kiến thức giữa các lớp học, cấp học, bậc học trong hệ thống giáo dục quốc dân hay còn gọi là liên thông dọc. Hai là, sự kế tục, tương đương về mặt bằng của hệ kiến thức, kĩ năng thuộc môn học hoặc lĩnh vực học tập trong hệ thống giáo dục quốc dân để từ đó có thể chuyển đổi (Transfer) giữa các loại hình đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân hay còn gọi là liên thông ngang (hoặc liên thông chéo). Ba là, kết hợp cả hai yếu tố vừa chuyển ngành vừa nâng cao trình độ đào tạo. Như vậy, đào tạo liên thông có 3 hình thức chính như sau:

a. Liên thông dọc: Chuyển đổi từ trình độ đào tạo thấp lên trình độ cao hơn, có thể kế tiếp (ví dụ từ trung cấp chuyên nghiệp lên cao đẳng, cao đẳng lên đại học) hoặc vượt cấp (ví dụ từ trung cấp chuyên nghiệp lên thẳng đại học).

b. Liên thông ngang: Chuyển đổi ngành của cùng một trình độ đào tạo. Chuyển đổi ngay trong quá trình đào tạo hoặc học để lấy bằng thứ hai sau khi đã có bằng tốt nghiệp cùng trình độ.

c. Liên thông hỗn hợp: Vừa chuyển đổi ngành vừa nâng cấp trình độ đào tạo. Thông thường, hình thức này các cơ sở đào tạo thường quy định đối với các trường hợp không có cùng ngành đào tạo của cấp trình độ đào tạo cao hơn, phải hoàn thành chương trình chuyển đổi (học những học phần còn thiếu của CTĐT của cấp trình độ trước đó).

2.2. Chương trình đào tạo liên thông

Hiện nay, có nhiều quan niệm khác nhau về CTĐT nói chung và CTĐT liên thông nói riêng có thể kể ra một số quan niệm điển hình như: CTĐT là tập hợp các môn học, CTĐT là những điều được dạy trong nhà trường, CTĐT là nội dung, CTĐT là tập hợp của các mục tiêu cần được thực hiện, CTĐT là sự thể hiện và con đường chủ yếu quán triệt phương châm giáo dục, thực hiện mục tiêu đào tạo. CTĐT được hiểu theo nghĩa hẹp (gồm những môn học được dạy) hoặc rộng hơn theo nghĩa tất cả những điều người học trải qua (kinh nghiệm, trí thức, kĩ năng,...) cả trong và ngoài nhà trường, được định nghĩa bởi nhà trường. Như vậy, về một mức độ nào đó, CTĐT có vai trò quyết định chất lượng đào tạo và từ đó

ảnh hưởng đến chất lượng, hiệu quả nguồn nhân lực quốc gia... Do vậy, CTĐT liên thông từ trình độ cao đẳng lên đại học cũng không nằm ngoài những thành phần đã kể trên, nên khi thiết kế CTĐT liên thông cần phải tuân theo các quy luật khách quan, trách sự chủ quan, tùy tiện thêm bớt, đặc biệt cần hướng đến tư tưởng tích hợp, trọn vẹn và phát triển. Thực tế cho chúng ta thấy, CTĐT liên thông được thiết kế theo cấu trúc mở gồm hệ thống các tín chỉ, mô đun, hoặc kết hợp cả tín chỉ và mô đun là phù hợp nhất với các cơ sở giáo dục có thực hiện đào tạo liên thông trong những năm qua.

Nếu các CTĐT liên thông được thiết kế như trên thì việc tổ chức quy trình đào tạo liên thông theo học chế tín chỉ, mô đun hoặc kết hợp cả tín chỉ và mô đun sẽ trở nên dễ dàng hơn. Bởi lẽ, quá trình học tập của học sinh được đánh giá và thừa nhận sau khi hoàn thành từng mô đun, tín chỉ. Và điều quan trọng là giá trị tích lũy tín chỉ sẽ được tính theo số lượng tín chỉ đạt được với thời gian tương ứng đối với mỗi học sinh, điều này cho phép việc đánh giá kết quả học tập của học sinh được thực hiện ngay sau khi có kết quả tích lũy tín chỉ mà không phải đợi đến khi hết học kì, hoặc hết năm học như cách học truyền thống. Giá trị của mỗi tín chỉ hoặc mô đun sẽ là đảm bảo cho học sinh có thể làm được một việc cụ thể trong nghề hoặc thực hiện được một hành động, hoạt động hữu ích trong thực tiễn cuộc sống.

Theo luật Giáo dục Đại học 2013 thì "CTĐT đối với người học liên thông theo hình thức chính quy là CTĐT trình độ cao đẳng, trình độ đại học chính quy đang áp dụng tại cơ sở giáo dục đại học. CTĐT đối với người học liên thông theo hình thức vừa làm vừa học là CTĐT hình thức vừa làm vừa học đang áp dụng tại cơ sở giáo dục đại học." [4].

Trên cơ sở đề nghị của Hội đồng đào tạo liên thông, thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học căn cứ vào chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo, văn bằng, kết quả học tập đã có của người học để quyết định công nhận giá trị chuyển đổi kết quả học tập và khối lượng kiến thức được miễn trừ khi học CTĐT liên thông đối với từng người học và công bố công khai trước khi tổ chức đào tạo [4].

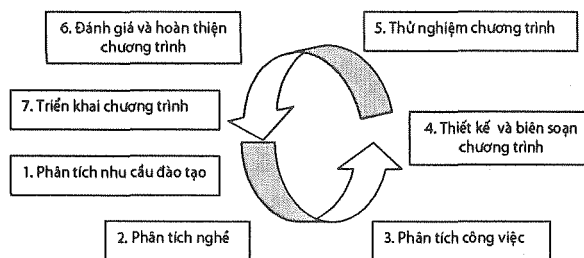
Về cơ bản, với chủ trương "chấn chỉnh" đào tạo liên thông của Bộ Giáo dục và Đào tạo nên CTĐT được quy định như vậy là hợp lí nhằm nâng cao chất lượng đào tạo liên thông ngang bằng đào tạo chính quy. Nhưng về lâu dài thì cần nghiên cứu xây dựng và phát triển CTĐT liên thông theo những định hướng phù hợp với xu thế chung như: Đáp ứng thị trường lao động, đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời tiến tới xây dựng xã hội học tập. Nên CTĐT liên thông cần được thiết kế linh hoạt mềm dẻo, theo hướng mở, để tránh được sự chống chọi (đào tạo lại những phần đã học gây ra

nhều tổn kém cho xã hội), công nhận việc chuyển đổi giá trị tích lũy kết quả học tập của người học trước khi đăng kí dự thi,...

3. Phát triển chương trình đào tạo liên thông từ trình độ cao đẳng lên đại học

Phát triển chương trình (Curriculum Development), được hiểu là quá trình xây dựng (thiết kế) chương trình và quá trình áp dụng, triển khai chương trình vào thực tiễn đào tạo liên thông từ trình độ cao đẳng lên đại học. Trong cả hai quá trình trên đều cần thiết phải tiến hành kiểm định, đánh giá và hoàn chỉnh bổ sung theo những yêu cầu mới đặt ra trong thực tiễn đào tạo, nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động. Phát triển chương trình được tiến hành theo chu trình với nhiều bước khép kín và liên tục được bổ sung, hoàn chỉnh. Có nhiều chu trình phát triển chương trình nhưng chung quy lại đều có các thành tố sau:

Sơ đồ: Chu trình phát triển chương trình đào tạo liên thông



Trong chu trình trên, bước 4 là khâu có vai trò quan trọng nên khi thiết kế CTĐT liên thông phải: a) Thiết kế theo nguyên tắc mềm và phát triển theo hướng kế thừa và tích hợp để giảm tối đa thời gian học lại kiến thức và kĩ năng mà người học đã tích lũy ở các CTĐT trước đó; b) Phản ánh đúng mục tiêu đào tạo, nội dung, phương pháp dạy và học, thời gian đào tạo, kế hoạch thực hiện và phương pháp đánh giá theo trình độ và theo ngành đào tạo tương ứng; c) Thiết kế phù hợp với mặt bằng chất lượng đào tạo chung.

Tuy nhiên, CTĐT liên thông chỉ có thể đạt được khi được thiết kế một cách khoa học, theo tư tưởng tích hợp, trọn vẹn, phát triển mà đáp ứng tốt nhất là chương trình được cấu trúc bởi hệ thống các tín chỉ ở các tầng bậc khác nhau tùy theo môn học, ngành đào tạo, cấp trình độ đào tạo.

4. Xu thế phát triển chương trình đào tạo liên thông từ trình độ cao đẳng lên đại học đáp ứng nhu cầu thị trường lao động

Đào tạo liên thông có vai trò quan trọng trong phát triển nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội.

Bởi vậy, xây dựng CTĐT liên thông là vấn đề hết sức quan trọng và mở ra những con đường cho sự thực



hiện triết lí đào tạo theo hướng học tập suốt đời với tính tích cực hoá cao độ năng lực của người học.

Các xu thế phát triển CTĐT liên thông theo học chế tín chỉ vừa chú trọng vào nội dung và cấu trúc chương trình, vừa quan tâm đến đổi mới quá trình đào tạo và đổi mới phương pháp dạy, phương pháp học của người học, đương nhiên không thể không đề cập đến phương tiện dạy và học cũng như đánh giá, xác nhận kết quả học tập. Các xu thế đó là:

- Chương trình tập trung vào việc trang bị kiến thức chuyển sang chương trình tập trung vào việc hình thành và phát triển năng lực. Nghĩa là quán triệt quan điểm học tập trên cơ sở 4 trụ cột của UNESCO là học để biết, học để làm, học để tồn tại và học để chung sống với mọi người. Trong đó, học để làm là mục tiêu cốt lõi;

- Chương trình đóng chuyển sang chương trình mở. Nghĩa là chương trình phải khơi lối, khơi nguồn cho sự sáng tạo, cập nhật thông tin đa dạng, phong phú luôn tăng cường và đổi mới;

- Chương trình dành cho người dạy chuyển thành chương trình dành cho người học. Nghĩa là vai trò tích cực, chủ động tìm tòi của người học được đề cao như là "trung tâm của quá trình dạy và học"; đồng thời, vai trò chỉ đạo, điều khiển, đánh giá của giáo viên được nhấn mạnh trong quá trình dạy và học;

- CTĐT được chuẩn hoá, hiện đại hoá trên cơ sở xây dựng theo chuẩn trình độ đào tạo (quốc gia, quốc tế) và tiêu chuẩn năng lực nghề nghiệp với sự so sánh quốc tế đáp ứng cho hội nhập. Trong đó, chú trọng phần nội dung chương trình ổn định, cốt lõi phản ánh đặc điểm, đặc trưng của nghề (occupational profiles) và các chủ đề lựa chọn mềm dẻo, thích ứng, cập nhật (Electivities Topics);

- CTĐT liên thông được thiết kế luôn có tính kế thừa và liên hệ chặt chẽ với các cấp trình độ trong khung trình độ quốc gia nhằm tạo điều kiện học tập liên tục, suốt đời cho người học;

- Mô đun hoá CTĐT và sử dụng hệ thống tín chỉ trong quy trình đào tạo liên thông từ trình độ cao đẳng lên đại học là phù hợp với xu thế phát triển giáo dục và đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động.

Phát triển CTĐT liên thông từ trình độ cao đẳng lên đại học theo định hướng đáp ứng nhu cầu thị trường lao động là vấn đề lớn trong phát triển khoa học giáo dục hiện đại, gắn đào tạo với nơi sử dụng nhân lực. Điều này đòi hỏi phải có sự hợp tác sâu, rộng về nhiều mặt từ phía doanh nghiệp vào quá trình đào tạo của nhà trường, đặc biệt là việc phát triển và xây dựng CTĐT liên thông từ trình độ cao đẳng lên đại học.

5. Cơ sở pháp lí

Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như Bộ Lao động

- Thương Binh và Xã hội đã ban hành nhiều văn bản

pháp luật quy định hướng dẫn tổ chức thực hiện việc đào tạo liên thông giữa các cấp bậc học trong đó phải kể đến các văn bản quan trọng sau đây:

Ngày 25 tháng 12 năm 2012 Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp tục kí ban hành Thông tư số 55/2012/TT-BGDĐT về "Đào tạo liên thông trình độ cao đẳng, đại học" của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Theo đó văn bản này quy định về đào tạo liên thông trình độ cao đẳng, đại học bao gồm: Điều kiện tổ chức, hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng kí và thẩm quyền quyết định đào tạo liên thông; tuyển sinh và tổ chức đào tạo; nhiệm vụ và quyền hạn của cơ sở giáo dục đại học đào tạo liên thông; nghĩa vụ và quyền của người học; chế độ báo cáo, kiểm tra, thanh tra và xử lí vi phạm cũng như phạm vi áp dụng đối với các đại học quốc gia, đại học vùng, học viện, trường đại học, trường cao đẳng trong hệ thống giáo dục quốc dân; các tổ chức và cá nhân có liên quan.

Ngày 01 tháng 01 năm 2013 Luật Giáo dục Đại học có hiệu lực nên các văn bản dưới luật đều hướng tới việc thực hiện Luật giáo dục Đại học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục đại học nói chung và chấn chỉnh cũng như nâng cao chất lượng đào tạo liên thông.

6. Kết luận

Tóm lại, các xu hướng phát triển CTĐT nói chung và CTĐT liên thông từ trình độ cao đẳng lên đại học nói riêng luôn hướng đến việc đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường lao động (trong và ngoài nước), phát triển CTĐT liên thông không chỉ là việc chọn lựa và sắp xếp, xác định mức độ cần đạt được của nội dung đào tạo tuân theo một số nguyên tắc nào đó mà còn phải thực hiện nhiều nhiệm vụ khác, như: các hướng dẫn về phương pháp, phương tiện dạy học, các hướng dẫn về tổ chức dạy học,... tuy nhiên, việc xác định và lựa chọn nội dung đào tạo sát thực với thực tế luôn được coi là vấn đề cốt lõi trong phát triển CTĐT liên thông, nhằm đáp ứng thị trường lao động và đạt mục tiêu đào tạo. Như vậy, nếu phát triển CTĐT liên thông từ trình độ cao đẳng lên đại học theo định hướng đáp ứng nhu cầu thị trường lao động, có sự tham gia xây dựng CTĐT liên thông của đội ngũ cán bộ giỏi chuyên môn và quản lí từ phía các doanh nghiệp... thì nó sẽ tiệm cận hơn với yêu cầu của doanh nghiệp và người học ra trường sẽ nhanh chóng tìm được việc làm, có thể tham gia ngay vào công việc sản xuất của doanh nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Thông tư số 55/2012/TT-BGDĐT ngày 25 tháng 12 năm 2012 về Đào tạo liên thông trình độ cao đẳng, đại học*, 2012.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Quyết định Số: 06/2008/QĐ-BGDĐT ngày 13 tháng 2 năm 2008 Ban hành Quy*

định Đào tạo liên thông trình độ cao đẳng, đại học.

3. Chiến lược phát triển giáo dục 2010 – 2020.

4. Luật Giáo dục Đại học 2013.

5. Lê Văn Hồng, Cơ sở lý luận của đào tạo liên thông, Tạp chí Khoa học Giáo dục số 91, 04/2013.

6. Lê Văn Hồng, Đào tạo liên thông trong xã hội học tập, Tạp chí Giáo dục số 74, 06/2013.

7. Bùi Đức Thiệp, Chương trình và phương pháp luận phát triển chương trình, 2006.

SUMMARY

Articulation training in general in the college and university articulation in particular has increasingly confirmed its roles, contributing to the response to

lifelong learning demands as well as toward building a learning society. However, articulation training has also shown many limitations, especially related to training programs. It goes without saying that articulation training programs are among the most fundamental foundations for effective articulation training in response to labor market. In reality, however, articulation training programs in the past years have proven inconsistent and somehow “patchy” between college and university levels. As such, the development of articulation training programs in an orientation that responds to labor market and lifelong learning requirements is necessary and of current nature.

HIỆU TRƯỞNG CÁC TRƯỜNG... (Tiếp theo trang 23)

Bảng 1: Kết quả đánh giá mức độ khả thi của các biện pháp xây dựng văn hóa nhà trường phổ thông

STT	Các biện pháp	Mức độ khả thi			
		Rất khả thi	Khả thi	Bình thường	Không khả thi
1	Nhận diện văn hóa nhà trường	39 (49,37%)	21 (26,58%)	18 (22,78%)	1 (1,27%)
2	Đánh giá văn hóa nhà trường	25 (31,65%)	32 (40,51%)	20 (25,30%)	2 (2,54%)
3	Lập kế hoạch và thực hiện thay đổi văn hóa nhà trường	23 (29,11%)	42 (53,16%)	14 (17,73%)	0 (0%)
4	Tổ chức xây dựng và phát triển các hình thức chia sẻ cộng đồng trong nhà trường	31 (39,24%)	29 (36,71%)	19 (24,05%)	0 (0%)

phản văn hóa, góp phần quan trọng đảm bảo chất lượng giáo dục của nhà trường. Vấn đề xây dựng và phát triển văn hóa nhà trường phổ thông cần được hiệu trưởng lãnh đạo và quản lý có hiệu quả bằng các biện pháp cụ thể. Ngoài ra, trong suốt các giai đoạn của quá trình xây dựng văn hóa nhà trường phổ thông, hiệu trưởng cần thiết lập các quan hệ, kết nối các nguồn thông tin nhiều hơn và thâm nhập thực tế thường xuyên. Mặt khác, hiệu trưởng cần phải thực hiện các chức năng trong nhà trường thông qua việc nuôi dưỡng các mối quan hệ và duy trì tình cảm liên hệ giữa các nhân viên nhà trường với nhau. Đây chính là những yếu tố quyết định để xây dựng được văn hóa nhà trường tích cực, phục vụ hiệu quả cho hoạt động dạy học và giáo dục của nhà trường phổ thông hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bùi Minh Hiền (chủ biên), Quản lý giáo dục, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2009.

2. Phạm Công Huân, Văn hóa tổ chức - Hình thái cốt lõi của văn hóa nhà trường, kỉ yếu Hội thảo Văn hóa học đường, Viện NCSP-Đại học Sư phạm Hà Nội, 2007.

3. Lindsey B.R, Robins N.K, Terell D.R, Culture Proficiency A manual for School Leaders, Corwins Press, Inc., 2003.

4. Richardson, J., School culture-Positive or Negative, National Staff Development Council, 2002.

SUMMARY

Building and developing school culture is one of the key aspects of leadership and management in schools of general education by principals. To build a healthy school culture, it is necessary to take appropriate steps and specific measures. The article has approached the issue of building school culture among principals by different stages of formulation of organization, based on which the author has proposed specific measures for principals to change culture of school of general education in an active manner, illustrated by findings from opinion survey as to the extent to which these measures are feasible among 79 principals in public upper secondary schools in Hanoi.